

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A1
NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Lớp	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
1	150006	P01	TXA	10A1	LÊ QUỲNH LAN ANH	Nữ	30/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7	5.9	0	19.9	NV1	Ban TN
2	150008	P01	TXA	10A1	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG ANH	Nam	21/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	8	7.4	0	22.4	NV1	Ban TN
3	150014	P01	TXA	10A1	TRẦN NAM HOÀI ÂN	Nam	18/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7	8.3	0	22.3	NV1	Ban TN
4	150023	P01	TXA	10A1	NGUYỄN HUY BẢO	Nam	09/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	6	7.8	0	21.05	NV1	Ban TN
5	150028	P02	TXA	10A1	VÕ THỊ MÃN CÀNH	Nữ	22/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	8	8	0	22.75	NV1	Ban TN
6	150029	P02	TXA	10A1	LÊ THỊ NGỌC CẨM	Nữ	18/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	6.5	6.3	0	20.55	NV1	Ban TN
7	150051	P03	TXA	10A1	PHAN THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	25/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	7	6.7	0	21.2	NV1	Ban TN
8	150082	P04	TXA	10A1	DƯƠNG THỊ THU HIỀN	Nữ	04/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	7.5	6.9	0	22.9	NV1	Ban TN
9	150083	P04	TXA	10A1	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	Nữ	22/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	6.75	6.2	0	21.2	NV1	Ban TN
10	150088	P04	TXA	10A1	LÊ TUẤN HIẾU	Nam	23/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	7.5	5	0	20.75	NV1	Ban TN
11	150096	P04	TXA	10A1	HUỲNH VÕ ANH HUY	Nam	29/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7.5	7	0	21.5	NV1	Ban TN
12	150100	P05	TXA	10A1	TRƯƠNG MINH HUY	Nam	16/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	7.5	6.7	0	22.2	NV1	Ban TN
13	150101	P05	TXA	10A1	VÕ THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	30/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	6	7.5	0	21.25	NV1	Ban TN
14	150124	P06	TXA	10A1	TRẦN TIẾN KHÁNH	Nam	25/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9	7.5	6.8	0	23.3	NV1	Ban TN
15	150127	P06	TXA	10A1	ĐOÀN TRẦN DUY KHOA	Nam	17/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	8.25	8.8	0	25.55	NV1	Ban TN
16	150128	P06	TXA	10A1	ĐỖ KHOA	Nam	18/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	6.75	7.2	0	20.45	NV1	Ban TN
17	150142	P06	TXA	10A1	TRẦN THỊ THÚY KIỀU	Nữ	05/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	7.25	7.9	0	22.9	NV1	Ban TN
18	150164	P07	TXA	10A1	HUỲNH THỊ KIM LUYẾN	Nữ	24/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.75	7.5	7.7	0	23.95	NV1	Ban TN
19	150172	P08	TXA	10A1	NGÔ HẠ MẾN	Nữ	27/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	8	8.5	0	24.75	NV1	Ban TN
20	150176	P08	TXA	10A1	NGUYỄN NGỌC BÌNH MINH	Nam	04/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	8.5	4.3	0	20.05	NV1	Ban TN
21	150181	P08	TXA	10A1	TRẦN THỊ DIỄM MY	Nữ	16/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	7	8	0	22.5	NV1	Ban TN
22	150187	P08	TXA	10A1	NGUYỄN THỊ VI NA	Nữ	20/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	7	8.7	0	23.95	NV1	Ban TN
23	150208	P09	TXA	10A1	ĐẶNG THIỀN NGỌC	Nữ	24/12/2009	Tỉnh Đồng Nai	7.25	6.75	6.7	0	20.7	NV1	Ban TN
24	150209	P09	TXA	10A1	NGUYỄN NGUYỄN KHÁNH NGỌC	Nữ	04/01/2010	Tỉnh Lâm Đồng	7.75	7.5	8.2	0	23.45	NV1	Ban TN

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Lớp	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyên vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
25	150211	P09	TXA	10A1	TRẦN MAI HUYỀN NGỌC	Nữ	18/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	7.5	8.5	0	23.25	NV1	Ban TN
26	150223	P10	TXA	10A1	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	23/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	7	6	0	20.75	NV1	Ban TN
27	150243	P11	TXA	10A1	VÕ VĂN PHÒNG	Nam	28/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	8	8	0	22.25	NV1	Ban TN
28	150265	P12	TXA	10A1	NGÔ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	21/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	6	8	0	22.5	NV1	Ban TN
29	150281	P12	TXA	10A1	MAI PHƯƠNG THẢO	Nữ	08/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	7.25	7.3	0	22.8	NV1	Ban TN
30	150282	P12	TXA	10A1	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	24/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	8.5	5.2	0	21.95	NV1	Ban TN
31	150290	P13	TXA	10A1	NGÔ THÀNH THIỆN	Nam	17/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	6	7.5	0	20	NV1	Ban TN
32	150298	P13	TXA	10A1	LÊ MINH THÔNG	Nam	04/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	7.25	6.4	0	19.9	NV1	Ban TN
33	150302	P13	TXA	10A1	BÙI THỊ THU THÚY	Nữ	27/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	7	8.8	0	24.3	NV1	Ban TN
34	150304	P13	TXA	10A1	LÊ THỊ THANH THÚY	Nữ	12/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9	6.5	5.2	0	20.7	NV1	Ban TN
35	150319	P14	TXA	10A1	NGUYỄN HỮU TÍNH	Nam	11/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	8.25	7.5	0	22.75	NV1	Ban TN
36	150329	P14	TXA	10A1	NGUYỄN CHÍ Ý TRÂM	Nữ	05/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9.25	7.75	9.4	0	26.4	NV1	Ban TN
37	150364	P16	TXA	10A1	TRẦN CAO THANH TUYỀN	Nữ	26/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	7.5	9.1	0	25.1	NV1	Ban TN
38	150371	P16	TXA	10A1	LÂM MỸ VÂN	Nữ	28/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	5.75	8.2	0	21.95	NV1	Ban TN
39	150373	P16	TXA	10A1	VÕ THỊ THÚY VÂN	Nữ	10/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	7	6.7	0	21.95	NV1	Ban TN
40	150387	P17	TXA	10A1	ĐẶNG THẢO VY	Nữ	16/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.75	7	6	0	21.75	NV1	Ban TN

Danh sách này có 40 học sinh. Trong đó: + Nam: 14 học sinh
+ Nữ 26 học sinh

Người lập danh sách

Phạm Hoàng Trương

Tư Nghĩa, ngày 25 tháng 7 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Trần Thanh An

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A2
NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Lớp	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
1	150027	P02	TXA	10A2	NGUYỄN TẤN AN BÌNH	Nam	21/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	2	2.2	0	8.95	Tuyển thẳng	Ban TN
2	150030	P02	TXA	10A2	PHẠM THỊ NGỌC CẨM	Nữ	16/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	5.25	2.9	0	14.15	NV1	Ban TN
3	150037	P02	TXA	10A2	VÕ CUÔNG	Nam	28/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6.75	3.3	0	17.05	NV1	Ban TN
4	150042	P02	TXA	10A2	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	Nữ	20/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	4.75	2.9	0	12.4	NV1	Ban TN
5	150055	P03	TXA	10A2	PHẠM HOÀNG DƯƠNG	Nam	19/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	5.5	3.7	0	15.2	NV1	Ban TN
6	150057	P03	TXA	10A2	TRẦN DUY ĐÀN	Nam	09/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	4.75	2.8	0	15.05	NV1	Ban TN
7	150086	P04	TXA	10A2	BÙI NGỌC HIẾU	Nam	23/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	3	3.3	0	12.05	NV1	Ban TN
8	150093	P04	TXA	10A2	TRỊNH LÊ HUY HOÀNG	Nam	20/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	2.75	3.5	0	13.5	NV1	Ban TN
9	150113	P05	TXA	10A2	TRẦN NGUYỄN GIA HY	Nam	11/08/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7.5	3.9	0	18.4	NV1	Ban TN
10	150121	P06	TXA	10A2	TRẦN KHANG	Nam	07/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	2.75	4.3	0	13.55	NV1	Ban TN
11	150130	P06	TXA	10A2	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	17/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	7	5.1	0	19.85	NV1	Ban TN
12	150144	P06	TXA	10A2	VÕ THỊ ANH KIỀU	Nữ	26/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	5.75	4.4	0	17.65	NV1	Ban TN
13	150149	P07	TXA	10A2	TRẦN BẢO LÂM	Nam	13/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	4.75	5.9	0	16.4	NV1	Ban TN
14	150152	P07	TXA	10A2	LÊ THỊ THÙY LINH	Nữ	30/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	3.5	2.6	0	11.1	NV1	Ban TN
15	150162	P07	TXA	10A2	MAI THỊ XUÂN LỘC	Nữ	28/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	4.75	4.6	0	16.85	NV1	Ban TN
16	150168	P07	TXA	10A2	PHẠM CAO CẨM LY	Nữ	08/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4	5.5	3.1	0	12.6	NV1	Ban TN
17	150188	P08	TXA	10A2	NGÔ BẢO NAM	Nam	06/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	6.75	4.6	0	15.85	NV1	Ban TN
18	150203	P09	TXA	10A2	VÕ THỊ THU NGÂN	Nữ	14/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	3.75	5	0	16.75	NV1	Ban TN
19			TXA	10A2	TRẦN THANH NGUYÊN	Nam	29/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi					Khuyết tật	Tuyển thẳng	Ban TN
20	150217	P10	TXA	10A2	TRẦN THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	01/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	6.5	5.4	0	19.15	NV1	Ban TN
21	150220	P10	TXA	10A2	DƯƠNG VĂN NHẬT	Nam	19/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4	6	2.2	0	12.2	NV1	Ban TN
22	150237	P10	TXA	10A2	VÕ DUY PHÁT	Nam	16/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	5.5	7.8	0	19.55	NV1	Ban TN
23	150250	P11	TXA	10A2	TRẦN CAO HOÀNG PHÚC	Nam	06/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	7	3.5	0	17	NV1	Ban TN

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Lớp	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
24	150267	P12	TXA	10A2	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	23/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	5	4.5	0	16	NV1	Ban TN
25	150270	P12	TXA	10A2	NGÔ HỒNG SƠN	Nam	22/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	3.75	5.3	0	15.3	NV1	Ban TN
26	150289	P13	TXA	10A2	VÕ LONG THIÊN	Nam	09/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	3.5	3.9	0	14.65	NV1	Ban TN
27	150292	P13	TXA	10A2	TRẦN VĂN THIỆN	Nam	05/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	3	2.9	0	11.9	NV1	Ban TN
28	150309	P13	TXA	10A2	TRẦN MINH THU	Nữ	15/01/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	4.25	3.5	0	14.5	NV1	Ban TN
29	150313	P14	TXA	10A2	PHẠM ANH THƯỜNG	Nam	10/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	4.5	3.5	0	14.25	NV1	Ban TN
30	150314	P14	TXA	10A2	LÊ THỊ CẨM TIÊN	Nữ	11/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	6.25	4.7	0	18.45	NV1	Ban TN
31	150322	P14	TXA	10A2	ĐỖ THỊ THÙY TRANG	Nữ	20/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	5.25	4.5	0	16.5	NV1	Ban TN
32	150332	P14	TXA	10A2	TRƯƠNG THÙY TRÂM	Nữ	26/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	4	5.1	0	14.85	NV1	Ban TN
33	150337	P15	TXA	10A2	VÕ NHÃ TRÂN	Nữ	05/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	6.25	3.3	0	15.55	NV1	Ban TN
34	150338	P15	TXA	10A2	HỒ ANH TRÍ	Nam	24/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.5	3	5.4	0	11.9	NV1	Ban TN
35	150355	P15	TXA	10A2	LÊ QUANG TÚ	Nam	14/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	6.75	3.2	0	17.45	NV1	Ban TN
36	150383	P16	TXA	10A2	VÕ NGỌC VŨ	Nam	29/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	4	5.7	0	15.95	NV1	Ban TN

Danh sách này có 36 học sinh. Trong đó: + Nam: 22 học sinh
+ Nữ 14 học sinh

Người lập danh sách

Phạm Hoàng Trương

Tư Nghĩa, ngày 25 tháng 7 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Trần Thanh An

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A3
NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Lớp	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
1	150004	P01	TXA	10A3	CAO HỒNG ANH	Nam	23/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	6.75	4.8	0	18.8	NV1	Ban TN
2	150015	P01	TXA	10A3	VÕ DUY ÂN	Nam	09/05/2010	ành phố Hồ Chí M	6	1.5	3.9	0	11.4	NV1	Ban TN
3	150018	P01	TXA	10A3	ĐẶNG QUỐC BẢO	Nam	18/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	4.75	3	0	14.25	NV1	Ban TN
4	150045	P02	TXA	10A3	LÊ QUANG DŨNG	Nam	02/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.75	4.5	2.1	0	10.35	NV1	Ban TN
5	150049	P03	TXA	10A3	TRẦN AN DUY	Nam	12/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	3.5	6.6	0	16.6	NV1	Ban TN
6	150058	P03	TXA	10A3	CAO CÔNG ĐẠT	Nam	27/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	3.5	2.4	0	11.65	NV1	Ban TN
7	150075	P04	TXA	10A3	TRẦN PHÚC NGỌC HÀ	Nữ	09/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	5.25	4.1	0	17.35	NV1	Ban TN
8	130063	P03	TN1	10A3	ĐINH NGỌC GIA HÂN	Nữ	04/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	6	5.3	0	15.8	NV2	Ban TN
12	150089	P04	TXA	10A3	VÕ LÊ TRỌNG HIẾU	Nam	26/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	5.75	5	0	17.25	NV1	Ban TN
9	150098	P05	TXA	10A3	MAI QUỐC HUY	Nam	18/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	5.5	3.4	0	15.9	NV1	Ban TN
10	150102	P05	TXA	10A3	ĐINH NGUYỄN PHÚC HÙNG	Nam	28/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	4.25	2.8	0	13.55	NV1	Ban TN
11	150115	P05	TXA	10A3	ĐỖ TRẦN MINH KHANG	Nam	08/12/2010	Tỉnh Đồng Tháp	5	5.5	4.7	0	15.2	NV1	Ban TN
12	150136	P06	TXA	10A3	NGÔ QUỐC KIÊN	Nam	26/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	8.25	4.6	0	19.85	NV1	Ban TN
13	150147	P07	TXA	10A3	TRẦN LÊ THANH LAM	Nữ	12/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	3	3.9	0	14.65	NV1	Ban TN
14	150160	P07	TXA	10A3	PHẠM NGUYỄN QUỐC LONG	Nam	16/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	4.75	3.4	0	15.4	NV1	Ban TN
15	130145	P07	TN1	10A3	PHẠM DUY LỢI	Nam	03/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	4.25	3.7	0	14.45	NV2	Ban TN
16	150169	P08	TXA	10A3	TRẦN NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	26/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	4.5	5.2	0	16.45	NV1	Ban TN
18	150177	P08	TXA	10A3	TRẦN LÊ NHẬT MINH	Nam	18/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	5.5	6.9	0	18.4	NV1	Ban TN
19	150197	P09	TXA	10A3	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	Nữ	29/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	3.5	2.6	0	12.35	NV1	Ban TN
20	150214	P09	TXA	10A3	TẠ NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	Nam	30/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	2.25	3.2	0	12.7	NV1	Ban TN
21	150221	P10	TXA	10A3	HOÀNG THIÊN NHẬT	Nam	23/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	3	4.1	1	14.1	NV1	Ban TN
22	150224	P10	TXA	10A3	TRẦN PHAN Mẫn NHI	Nữ	09/05/2010	Tỉnh Bình Phước	8	6.5	3.3	0	17.8	NV1	Ban TN
23	150227	P10	TXA	10A3	TRẦN NGUYỄN AN NHIÊN	Nữ	12/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	4.25	5.9	0	16.4	NV1	Ban TN

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Lớp	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
24	150229	P10	TXA	10A3	ĐẶNG TÂM NHƯ	Nữ	27/10/2010	Tỉnh Quảng Nam	4.75	5.5	4.5	0	14.75	NV1	Ban TN
25	150269	P12	TXA	10A3	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	26/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	4.5	1.7	0	12.7	NV1	Ban TN
26	150277	P12	TXA	10A3	LƯƠNG TẤN THẠCH	Nam	12/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	3.5	4.5	0	13.5	NV1	Ban TN
27	150296	P13	TXA	10A3	TRỊNH CHÍ THỊNH	Nam	23/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	2	2.7	0	10.7	NV1	Ban TN
28	150310	P13	TXA	10A3	DƯƠNG TẤN PHI THỨC	Nam	18/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	2.25	4.2	0	11.95	NV1	Ban TN
29	150311	P13	TXA	10A3	ĐẶNG THỊ THANH THƯỜNG	Nữ	02/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7.5	1.7	0	16.2	NV1	Ban TN
30	150326	P14	TXA	10A3	DƯƠNG THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	12/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	7.25	6.5	0	19.25	NV1	Ban TN
31	150343	P15	TXA	10A3	TRẦN TRỌNG TRÍ	Nam	28/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	6.75	2.2	0	16.95	NV1	Ban TN
32	150346	P15	TXA	10A3	TRẦN NGỌC TRIỆU	Nam	30/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	1.75	5.8	0	12.05	NV1	Ban TN
33	150356	P15	TXA	10A3	NGUYỄN TUẤN TÚ	Nam	06/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	6	5.8	0	19.55	NV1	Ban TN
34	150365	P16	TXA	10A3	TRẦN THỊ NGỌC TUYỀN	Nữ	14/10/2010	Tỉnh Bình Định	7.5	4	3.7	0	15.2	NV1	Ban TN
35	150379	P16	TXA	10A3	ĐẶNG QUỐC VINH	Nam	20/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	4.75	5.5	0	17	NV1	Ban TN
36	150403	P17	TXA	10A3	TRẦN NỮ NHƯ Ý	Nữ	27/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	6.5	2.6	0	15.35	NV1	Ban TN

Danh sách này có 36 học sinh. Trong đó: + Nam: 23 học sinh
+ Nữ 13 học sinh

Người lập danh sách

Phạm Hoàng Trương

Tư Nghĩa, ngày 25 tháng 7 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Trần Thanh An

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A4
NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Lớp	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
1	150003	P01	TXA	10A4	VÕ THANH AN	Nam	17/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	5	4.5	0	14.25	NV1	Ban TN
2	150007	P01	TXA	10A4	NGUYỄN THIÊN LỘC ANH	Nam	16/09/2008	Tỉnh Lâm Đồng	6	3.75	3.9	0	13.65	NV1	Ban TN
3	150013	P01	TXA	10A4	LÊ VĂN ÂN	Nam	22/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	2.75	4.5	3.2	0	10.45	NV1	Ban TN
4	150026	P02	TXA	10A4	NGUYỄN QUỐC BÌNH	Nam	29/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	4.75	2	0	12.5	NV1	Ban TN
5	150031	P02	TXA	10A4	ĐỖ VŨ MINH CÔNG	Nam	09/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	3	2	0	12	NV1	Ban TN
6	150034	P02	TXA	10A4	LÊ TUẤN VIỆT CƯỜNG	Nam	16/06/2009	Bà Rịa - Vũng Tàu	6	2.25	2.1	0	10.35	NV1	Ban TN
7	150047	P02	TXA	10A4	LÊ VÕ NHẬT DUY	Nam	16/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	6.75	3.3	0	16.05	NV1	Ban TN
8	150050	P03	TXA	10A4	NGUYỄN NGUYỄN MỸ DUYÊN	Nữ	05/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	3.75	3.75	4.5	0	12	NV1	Ban TN
9	150056	P03	TXA	10A4	PHAN VĂN DƯƠNG	Nam	04/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	6.5	6.8	0	19.05	NV1	Ban TN
10	150085	P04	TXA	10A4	LÊ TẤN HIỆP	Nam	30/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	3.25	2.2	0	11.7	NV1	Ban TN
11	130073	P04	TN1	10A4	ĐẶNG THỊ KIM HIẾU	Nữ	02/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	4.25	5.4	0	15.9	NV2	Ban TN
13	150090	P04	TXA	10A4	NGUYỄN THỊ VI HÒA	Nữ	20/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	6.25	6.2	0	18.95	NV1	Ban TN
14	150105	P05	TXA	10A4	LÊ BÁ HÙNG	Nam	09/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	4.75	6.1	0	15.35	NV1	Ban TN
15	150120	P05	TXA	10A4	NGUYỄN THÀNH KHANG	Nam	31/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	7.5	4.9	0	19.65	NV1	Ban TN
16	150131	P06	TXA	10A4	NGUYỄN TRẦN ANH KHOA	Nam	24/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	4.5	4.2	0	15.2	NV1	Ban TN
17	150135	P06	TXA	10A4	MAI CHÍ KIÊN	Nam	18/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6.25	3.3	0	16.55	NV1	Ban TN
18	150151	P07	TXA	10A4	LÊ BÙI YẾN LINH	Nữ	29/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	3.75	4.8	0	16.05	NV1	Ban TN
19	150157	P07	TXA	10A4	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	14/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	3.5	3.8	0	14.3	NV1	Ban TN
20	150167	P07	TXA	10A4	LƯƠNG TRẦN CẨM LY	Nữ	23/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	5	4.2	0	15.2	NV1	Ban TN
17	150170	P08	TXA	10A4	TRẦN THỊ CẨM LY	Nữ	20/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	5.5	5.2	0	17.2	NV1	Ban TN
21	150174	P08	TXA	10A4	HUỲNH NGỌC QUANG MINH	Nam	26/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	5	4	0	16	NV1	Ban TN
22	150189	P08	TXA	10A4	NGUYỄN NAM	Nam	09/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	2.25	4.8	0	13.8	NV1	Ban TN
23	150215	P09	TXA	10A4	TRẦN VĂN HOÀNG NGUYỄN	Nam	23/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	5.5	4.2	0	15.7	NV1	Ban TN

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Lớp	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
24	150246	P11	TXA	10A4	NGUYỄN DUY PHÚ	Nam	06/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	7.25	3.4	0	16.9	NV1	Ban TN
25	150264	P11	TXA	10A4	CAO LÊ NHÃ QUỲNH	Nữ	23/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	5.25	7.8	0	19.8	NV1	Ban TN
26	150275	P12	TXA	10A4	VÕ TẤN TÀI	Nam	29/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	5	2.4	0	13.15	NV1	Ban TN
27	150278	P12	TXA	10A4	NGUYỄN ANH THÁI	Nam	27/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.25	5	5.5	0	14.75	NV1	Ban TN
28	150286	P12	TXA	10A4	NGUYỄN TRẦN ANH THI	Nữ	12/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6	4.3	0	17.3	NV1	Ban TN
29	150294	P13	TXA	10A4	NGUYỄN VÕ ĐỨC THỊNH	Nam	06/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	2.75	5.9	0	15.4	NV1	Ban TN
30	150303	P13	TXA	10A4	HỒ THỊ THANH THÚY	Nữ	31/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	7	4	0	18	NV1	Ban TN
31	150320	P14	TXA	10A4	TRẦN THÁI TOÀN	Nam	11/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	3.75	3.2	0	13.45	NV1	Ban TN
32	150324	P14	TXA	10A4	TRẦN HẠNH TRANG	Nữ	14/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	3.75	6	0	18.25	NV1	Ban TN
33	110494	P21	LTD	10A4	ĐÌNH NGUYỄN HUYỀN TRÂM	Nữ	07/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	3.75	3.4	0	12.65	NV2	Ban TN
34	150341	P15	TXA	10A4	NGUYỄN THÀNH TRÍ	Nam	13/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	6.5	5.7	0	16.95	NV1	Ban TN
35	150350	P15	TXA	10A4	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	01/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	3.75	3.2	0	14.7	NV1	Ban TN
36	150393	P17	TXA	10A4	PHẠM THỊ HẠ VY	Nữ	09/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	2.5	2.3	0	11.8	NV1	Ban TN

Danh sách này có 36 học sinh. Trong đó: + Nam: 23 học sinh
+ Nữ 13 học sinh

Người lập danh sách

Phạm Hoàng Trương

Tư Nghĩa, ngày 25 tháng 7 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Trần Thanh An

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A5
NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Lớp	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
1	150009	P01	TXA	10A5	PHẠM KIM ANH	Nữ	29/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	3	2.3	0	12.55	NV1	Ban XH
2	150016	P01	TXA	10A5	NGUYỄN HOÀNG PHI ÂU	Nam	13/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	3.75	2.4	0	11.9	NV1	Ban XH
3	130028	P02	TN1	10A5	ĐẶNG TRẦN QUỐC DANH	Nam	04/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	2.5	7.1	0	15.6	NV2	Ban XH
4	150073	P04	TXA	10A5	HỒ NGỌC HÀ	Nữ	02/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	3.25	7.1	0	16.85	NV1	Ban XH
5	150076	P04	TXA	10A5	ĐẶNG VĂN HÀNG	Nam	24/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	4	5.9	0	14.65	NV1	Ban XH
6	150077	P04	TXA	10A5	TRẦN LÊ MỸ HẠNH	Nữ	14/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	3.25	5.8	0	16.05	NV1	Ban XH
7	150092	P04	TXA	10A5	NGUYỄN TẤN HOÀNG	Nam	06/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	3.5	4.1	0	13.6	NV1	Ban XH
8			TXA	10A5	LÊ XUÂN HUYỀN	Nữ	20/12/2009	Tỉnh Quảng Ngãi					Khuyết tật	Tuyển thẳng	Ban XH
9	150110	P05	TXA	10A5	NGUYỄN TRẦN MINH HƯƠNG	Nữ	24/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	3.75	4.7	0	14.7	NV1	Ban XH
10	150112	P05	TXA	10A5	TRẦN KHANG HY	Nam	07/10/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	7	3	3.4	0	13.4	NV1	Ban XH
11	150123	P06	TXA	10A5	TRẦN MINH KHÁNH	Nam	30/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	2.25	3.3	0	10.55	NV1	Ban XH
12	150154	P07	TXA	10A5	ĐÀO LÊ KHÁNH LOAN	Nữ	21/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	3	2.3	0	11.8	NV1	Ban XH
13	150158	P07	TXA	10A5	NGUYỄN TẤN LONG	Nam	06/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.25	3	3.7	0	10.95	NV1	Ban XH
14	150179	P08	TXA	10A5	NGUYỄN VÕ HÀ MY	Nữ	29/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	1.25	7.3	0	16.05	NV1	Ban XH
15	150185	P08	TXA	10A5	VÕ THỊ TƯỜNG MY	Nữ	26/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	4	6.6	0	18.6	NV1	Ban XH
16	150186	P08	TXA	10A5	NGUYỄN THỊ TRÀ MỸ	Nữ	21/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	3.75	4.3	0	12.8	NV1	Ban XH
17	150192	P08	TXA	10A5	HUỲNH THỊ PHƯỢNG NGA	Nữ	28/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	6	6.3	0	18.55	NV1	Ban XH
18	150193	P09	TXA	10A5	TRỊNH THANH NGÀ	Nữ	05/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	3.75	7.2	0	15.7	NV1	Ban XH
19	150195	P09	TXA	10A5	LÊ THỊ THU NGÂN	Nữ	17/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	6.75	6.8	0	21.05	NV1	Ban XH
20	150201	P09	TXA	10A5	PHAN THỊ KIM NGÂN	Nữ	07/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	4.75	2.5	0	13.5	NV1	Ban XH
21	150205	P09	TXA	10A5	TRẦN THỊ GIA NGHI	Nữ	04/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	5.5	3.2	0	15.7	NV1	Ban XH
22	150213	P09	TXA	10A5	MAI LÊ THẢO NGUYỄN	Nữ	23/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	3	3.6	0	11.85	NV1	Ban XH
23	150226	P10	TXA	10A5	NGÔ THANH NHIÊN	Nữ	16/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	9.25	7	8.2	0	24.45	NV1	Ban XH

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Lớp	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
24	150228	P10	TXA	10A5	PHẠM THỊ MỸ NHUNG	Nữ	01/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	4	4.3	0	15.05	NV1	Ban XH
25	150232	P10	TXA	10A5	TRẦN THỊ THU NHƯ	Nữ	15/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	2.5	5.5	0	14.25	NV1	Ban XH
26	150248	P11	TXA	10A5	VÕ MINH PHÚ	Nam	04/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	3.25	3.6	0	11.35	NV1	Ban XH
27	150255	P11	TXA	10A5	NGUYỄN TẤN QUAN	Nam	25/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	2.75	5.4	0	14.15	NV1	Ban XH
25	150260	P11	TXA	10A5	NGUYỄN THANH QUY	Nam	09/12/2010	Tỉnh Quảng Nam	5	3.75	4.9	0	13.65	NV1	Ban XH
28	150283	P12	TXA	10A5	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	Nam	08/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	2.25	4.4	0	13.15	NV1	Ban XH
30	150285	P12	TXA	10A5	BÙI TRẦN THỜI THỂ	Nam	22/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	2.5	2.4	0	10.65	NV1	Ban XH
31	150297	P13	TXA	10A5	TRẦN LÊ KIM THOA	Nữ	29/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	3.75	4.5	0	12.75	NV1	Ban XH
32	150307	P13	TXA	10A5	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	Nữ	25/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	2.75	3.3	0	12.55	NV1	Ban XH
33	150316	P14	TXA	10A5	NGUYỄN ĐÌNH TIẾP	Nam	18/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	7.25	5.3	0	21.05	NV1	Ban XH
34			TXA	10A5	LỤC THỊ TRANG	Nữ	06/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi					Khuyết tật	Tuyển thẳng	Ban XH
35	150323	P14	TXA	10A5	PHẠM THỊ TRANG	Nữ	19/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	4.5	5.3	0	16.8	NV1	Ban XH
36	150327	P14	TXA	10A5	ĐINH LÊ PHƯƠNG TRÂM	Nữ	01/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	4	4	0	14.25	NV1	Ban XH
37	150331	P14	TXA	10A5	TRẦN NGỌC BẢO TRÂM	Nữ	16/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	2	3.8	0	12.05	NV1	Ban XH
38	150336	P14	TXA	10A5	PHAN HÀ BẢO TRÂN	Nữ	16/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	3	5.6	0	14.1	NV1	Ban XH
39	150372	P16	TXA	10A5	NGUYỄN THỊ THÚY VÂN	Nữ	10/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	2.75	2.9	0	10.4	NV1	Ban XH
40	150390	P17	TXA	10A5	NGUYỄN THỊ THOẠI VY	Nữ	05/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	2.5	3.2	0	12.45	NV1	Ban XH
41	150404	P17	TXA	10A5	VÕ THỊ NHƯ Ý	Nữ	15/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	2	2.2	0	10.95	NV1	Ban XH

Danh sách này có 41 học sinh. Trong đó: + Nam: 13 học sinh
+ Nữ 28 học sinh

Người lập danh sách

Phạm Hoàng Trương

Tư Nghĩa, ngày 25 tháng 7 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

Trần Thanh An

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A6
NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Lớp	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
1	150001	P01	TXA	10A6	VÕ NGUYỄN NGỌC AN	Nữ	26/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	4.25	5	0	16.5	NV1	Ban XH
2	150005	P01	TXA	10A6	ĐÀO NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	30/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	1.75	3.9	0	10.9	NV1	Ban XH
3	150012	P01	TXA	10A6	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	14/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	5.75	3.8	0	15.55	NV1	Ban XH
4			TXA	10A6	TRẦN ĐỖ HÂN DUY	Nữ	25/01/2009	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	1	2		13.5	Lưu ban	Ban XH
5	150052	P03	TXA	10A6	TIÊU KIỀU MỸ DUYÊN	Nữ	11/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	2	2.4	0	11.15	NV1	Ban XH
6	150094	P04	TXA	10A6	PHẠM NGUYỄN ANH HỘI	Nữ	03/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	5	6.7	0	17.95	NV1	Ban XH
7	150099	P05	TXA	10A6	TRẦN NGỌC HUY	Nam	14/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	2.5	2.8	0	11.3	NV1	Ban XH
8	150103	P05	TXA	10A6	ĐỖ QUỐC HÙNG	Nam	21/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	5.5	2.7	0	14.95	NV1	Ban XH
9	150109	P05	TXA	10A6	LÊ THỊ MỸ HƯƠNG	Nữ	16/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	3.25	5.9	0	15.9	NV1	Ban XH
10	150111	P05	TXA	10A6	VÕ TRỌNG HỮU	Nam	15/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	2.25	3.7	0	12.2	NV1	Ban XH
11	150126	P06	TXA	10A6	NGUYỄN HỒ KHIÊM	Nam	04/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	4.5	4.7	0	14.2	NV1	Ban XH
12	150138	P06	TXA	10A6	PHẠM BÁ KIẾT	Nam	20/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	7	6.6	0	21.1	NV1	Ban XH
13	150150	P07	TXA	10A6	HUỲNH THỊ BÍCH LINH	Nữ	05/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	2.25	6.4	0	14.65	NV1	Ban XH
14	150155	P07	TXA	10A6	ĐỖ VĂN LONG	Nam	10/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	4.5	4.9	0	16.65	NV1	Ban XH
15	150173	P08	TXA	10A6	DƯƠNG NGỌC MINH	Nữ	22/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	2.25	4.3	0	13.55	NV1	Ban XH
16	150178	P08	TXA	10A6	ĐINH VÕ TRÀ MY	Nữ	20/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	3.75	3.9	0	13.65	NV1	Ban XH
17	150180	P08	TXA	10A6	TRẦN HÀ TRÀ MY	Nữ	22/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	3.5	5.2	0	15.2	NV1	Ban XH
18	150199	P09	TXA	10A6	NGUYỄN TRẦN KIM NGÂN	Nữ	21/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	4	4.3	0	13.3	NV1	Ban XH
19	150202	P09	TXA	10A6	TRẦN THỊ THU NGÂN	Nữ	28/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	3.25	2.9	0	10.9	NV1	Ban XH
20	150204	P09	TXA	10A6	VÕ THỊ THU NGÂN	Nữ	14/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	3	2.8	0	11.8	NV1	Ban XH
21	150212	P09	TXA	10A6	VÕ MINH KIM BẢO NGỌC	Nữ	01/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	1.5	3.8	0	10.55	NV1	Ban XH
22	150239	P10	TXA	10A6	NGUYỄN LẬP BÁ PHI	Nam	30/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	3.25	3.2	0	13.2	NV1	Ban XH
23	150257	P11	TXA	10A6	TRẦN MẠNH QUÂN	Nam	05/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	2.75	3.5	0	12	NV1	Ban XH

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Lớp	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyên vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
24	150271	P12	TXA	10A6	DƯƠNG THỊ THU TÀI	Nữ	28/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	2	3.9	0	12.4	NV1	Ban XH
25	150280	P12	TXA	10A6	ĐỖ NGỌC THANH THẢO	Nữ	30/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	7.25	8.7	0	23.2	NV1	Ban XH
26	150284	P12	TXA	10A6	PHAN THÀNH THẮNG	Nam	18/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	7	1.6	0	13.85	NV1	Ban XH
27	150305	P13	TXA	10A6	HÀ THỊ TUYẾT THU	Nữ	07/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	3.25	2.6	0	13.1	NV1	Ban XH
28	150317	P14	TXA	10A6	NGUYỄN ĐẶNG TRUNG TÍN	Nam	30/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	5.5	5.5	0	18.75	NV1	Ban XH
29	150321	P14	TXA	10A6	TRẦN ĐẶNG NGỌC TỐI	Nam	28/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	1.5	2.9	0	10.4	NV1	Ban XH
30	150328	P14	TXA	10A6	LÊ PHẠM QUỲNH TRÂM	Nữ	19/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	3.75	6.2	0	17.45	NV1	Ban XH
31	150342	P15	TXA	10A6	NGUYỄN TRẦN TRỌNG TRÍ	Nam	06/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	3	5.2	0	14.2	NV1	Ban XH
32	150347	P15	TXA	10A6	NGUYỄN BÙI NGỌC TRINH	Nữ	04/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	3.5	2.7	0	12.7	NV1	Ban XH
33	150351	P15	TXA	10A6	PHẠM THANH TRÚC	Nữ	05/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.25	5.5	7	0	20.75	NV1	Ban XH
34	150353	P15	TXA	10A6	MAI THANH TRƯỜNG	Nam	11/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	5.75	2.9	0	15.4	NV1	Ban XH
35	150369	P16	TXA	10A6	LÊ THỊ MỸ UYÊN	Nữ	20/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	2.75	4.8	0	14.3	NV1	Ban XH
36	150374	P16	TXA	10A6	TRƯƠNG NGỌC VẤN	Nữ	31/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	5.75	1.25	4.6	0	11.6	NV1	Ban XH
37	150389	P17	TXA	10A6	NGUYỄN THỊ HÀ VY	Nữ	15/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	4.25	4.4	0	14.9	NV1	Ban XH
38	150392	P17	TXA	10A6	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	29/06/2008	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	2.75	3.5	0	14	NV1	Ban XH
39	150397	P17	TXA	10A6	NGUYỄN THÙY PHƯƠNG Y	Nữ	03/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	3	3.1	0	12.85	NV1	Ban XH
40	150400	P17	TXA	10A6	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	16/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	1.75	4.3	0	11.55	NV1	Ban XH
41	150405	P17	TXA	10A6	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	Nữ	14/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.5	4.5	2.9	0	13.9	NV1	Ban XH

Danh sách này có 41 học sinh. Trong đó: + Nam: 14 học sinh
+ Nữ 27 học sinh

Người lập danh sách

Phạm Hoàng Trương

Tư Nghĩa, ngày 25 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thanh An

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A7
NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Lớp	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyện vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
1	150011	P01	TXA	10A7	TRẦN THỊ LAN ANH	Nữ	17/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	4	2.9	0	12.9	NV1	Ban XH
2	150038	P02	TXA	10A7	LÊ NGUYỄN NGỌC DIỄM	Nữ	01/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	3.25	2.4	0	10.65	NV1	Ban XH
3	150046	P02	TXA	10A7	LÊ NGỌC DUY	Nam	02/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	8	5.7	0	21.45	NV1	Ban XH
4	150053	P03	TXA	10A7	VÕ THỊ MỸ DUYÊN	Nữ	17/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	5.25	3.5	0	14.5	NV1	Ban XH
5	150081	P04	TXA	10A7	NGUYỄN TRIỆU GIA HÂN	Nữ	24/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	3.5	2.6	0	12.35	NV1	Ban XH
12	150129	P06	TXA	10A7	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	01/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.75	1.5	7.9	0	14.15	NV1	Ban XH
6	150145	P07	TXA	10A7	ĐỖ TRẦN NHÃ KỶ	Nữ	02/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.75	5.25	1.4	0	14.4	NV1	Ban XH
7	150161	P07	TXA	10A7	TRẦN QUANG BẢO LONG	Nam	11/09/2010	TP Hồ Chí Minh	5	5	5.9	0	15.9	NV1	Ban XH
8	150166	P07	TXA	10A7	LÊ THỊ CẨM LY	Nữ	26/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	3.25	3.8	0	13.3	NV1	Ban XH
9	150183	P08	TXA	10A7	TRỊNH THỊ KIỀU MY	Nữ	11/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	4.75	6.1	0	16.6	NV1	Ban XH
10	150184	P08	TXA	10A7	VÕ THANH HUYỀN MY	Nữ	04/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	3.25	4.3	0	12.05	NV1	Ban XH
11	150191	P08	TXA	10A7	NGUYỄN TRẦN THANH NAM	Nam	17/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	1.5	6.1	0	12.85	NV1	Ban XH
12	130179	P08	TN1	10A7	HÀ THỊ KIM NGÂN	Nữ	15/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	2.5	3.9	0	12.65	NV2	Ban XH
13	150196	P09	TXA	10A7	NGUYỄN THỊ HÀ NGÂN	Nữ	20/12/2010	Tỉnh Thanh Hóa	7.75	1.75	3.2	0	12.7	NV1	Ban XH
14	150200	P09	TXA	10A7	PHẠM ĐỖ THANH NGÂN	Nữ	10/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	2.5	6.2	0	14.2	NV1	Ban XH
15	150231	P10	TXA	10A7	PHẠM ĐỖ QUỲNH NHƯ	Nữ	16/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	1.5	2.3	0	10.8	NV1	Ban XH
16	150242	P11	TXA	10A7	PHAN VĂN PHONG	Nam	12/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	2.75	2.8	0	11.3	NV1	Ban XH
17	150247	P11	TXA	10A7	TRẦN MINH PHÚ	Nam	04/10/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	4.5	3	3.7	0	11.2	NV1	Ban XH
18	150251	P11	TXA	10A7	TRẦN LÊ HOÀNG PHÚC	Nam	05/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	5	3.8	0	15.8	NV1	Ban XH
19	150252	P11	TXA	10A7	LÊ ĐÌNH VINH PHỤNG	Nam	08/07/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	1.75	2.4	0	10.4	NV1	Ban XH
20	150254	P11	TXA	10A7	TẠ THỊ NHƯ PHUƠNG	Nữ	20/01/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.25	2.5	2.5	0	12.25	NV1	Ban XH
21	150268	P12	TXA	10A7	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	11/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	2.5	3.3	0	13.3	NV1	Ban XH

TT	SBD	Phòng thi	Hội đồng thi	Lớp	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Trúng tuyển nguyên vọng	Ghi chú
									Văn	Toán	T.Anh				
22	150288	P12	TXA	10A7	NGÔ NHƯ THIÊN	Nam	17/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	1.75	3.8	0	11.8	NV1	Ban XH
23	150300	P13	TXA	10A7	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THÙY	Nữ	20/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.25	4	7.5	0	17.75	NV1	Ban XH
24	150306	P13	TXA	10A7	NGUYỄN THỊ KIỀU THU	Nữ	14/11/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	6.5	5.8	0	19.3	NV1	Ban XH
25	150308	P13	TXA	10A7	TRẦN BẢO ANH THU	Nữ	17/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8	5.75	5.7	0	19.45	NV1	Ban XH
26	150318	P14	TXA	10A7	ĐINH QUANG TÍNH	Nam	28/06/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6	4.25	3.7	0	13.95	NV1	Ban XH
27	150325	P14	TXA	10A7	VÕ LÊ THU TRANG	Nữ	08/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5	1.5	5.5	0	12	NV1	Ban XH
28	150330	P14	TXA	10A7	PHẠM LÊ XUÂN TRÂM	Nữ	30/03/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	6.75	3	3.9	0	13.65	NV1	Ban XH
29	150333	P14	TXA	10A7	ĐỖ THỊ THU TRÂM	Nữ	23/04/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7	5.75	3.9	0	16.65	NV1	Ban XH
30	150340	P15	TXA	10A7	NGUYỄN MINH TRÍ	Nam	14/05/2010	TP Hồ Chí Minh	5.5	1.25	3.7	0	10.45	NV1	Ban XH
32	150344	P15	TXA	10A7	VÕ VĂN TRIẾT	Nam	29/01/2010	Tỉnh Ninh Thuận	6	3.5	5.4	0	14.9	NV1	Ban XH
33	150348	P15	TXA	10A7	VÕ MINH TUYẾT TRINH	Nữ	26/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.75	7.25	5.5	0	21.5	NV1	Ban XH
34	150361	P16	TXA	10A7	ĐỖ THANH TÙNG	Nam	28/05/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.5	6	2.4	0	13.9	NV1	Ban XH
35	150366	P16	TXA	10A7	VÕ THỊ LÂM TUYỀN	Nữ	03/12/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	8.5	5	4.4	0	17.9	NV1	Ban XH
36	150368	P16	TXA	10A7	CAO NGUYỄN CÁT TƯỜNG	Nữ	12/04/2010	Tỉnh Bình Định	5.75	3.25	2.8	0	11.8	NV1	Ban XH
37	150377	P16	TXA	10A7	ĐẶNG THỊ KIỀU VIÊN	Nữ	24/02/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	2.5	4.9	0	14.9	NV1	Ban XH
38	150385	P17	TXA	10A7	CAO VĂN VŨNG	Nam	04/08/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.25	3.75	3	0	12	NV1	Ban XH
39	150391	P17	TXA	10A7	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	08/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	7.5	3.5	2	0	13	NV1	Ban XH
40	150394	P17	TXA	10A7	TRẦN TRIỆU VY	Nữ	08/09/2010	Tỉnh Quảng Ngãi	5.75	5	4.8	0	15.55	NV1	Ban XH
41	150398	P17	TXA	10A7	PHẠM SA Y	Nữ	27/01/2010	TP Hồ Chí Minh	5.75	4.25	5.5	0	15.5	NV1	Ban XH

Danh sách này có 41 học sinh. Trong đó: + Nam: 14 học sinh
+ Nữ 27 học sinh

Người lập danh sách

Phạm Hoàng Trương

Tư Nghĩa, ngày 25 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thanh An